

Số: 173 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 18 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH
Đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của HĐND thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương chưa phân bổ;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của HĐND thành phố về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của HĐND thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của HĐND thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4460/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ lập Kế hoạch đầu tư công năm 2024 với các nội dung chủ yếu như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

1. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 thành phố Cần Thơ được Thủ tướng Chính phủ giao là 7.875,185 tỷ đồng theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022. Cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách địa phương (NSĐP): 5.144,935 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách trung ương (NSTW): 2.730,250 tỷ đồng, gồm:

+ Vốn trong nước: 1.965,700 tỷ đồng, trong đó có 350 tỷ đồng dành cho dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững và 1.095 tỷ đồng nguồn vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

+ Vốn nước ngoài: 764,550 tỷ đồng.

b) Đến nay, thành phố Cần Thơ đã thực hiện 06 lần điều chỉnh, giao chi tiết với tổng số vốn đã giao chi tiết đến nay là 8.535,820 tỷ đồng¹ (tăng 1.178,270 tỷ đồng so với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ từ các nguồn vốn kết dư ngân sách địa phương), gồm:

- Ngân sách địa phương: 6.323,205 tỷ đồng.

- Ngân sách trung ương: 2.212,615 tỷ đồng.

c) Số vốn còn lại chưa giao chi tiết là 517,635 tỷ đồng thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương. Gồm:

- Vốn trong nước: Còn lại 158 tỷ đồng chưa giao chi tiết, dự kiến bố trí cho: (1) Dự án Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ (105 tỷ đồng, dự án chưa được cấp

¹Nghị quyết: số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, số 08/NQ-HĐND ngày 17/3/2023, số 24/NQ-HĐND ngày 11/07/2023 của HĐND thành phố; Quyết định: số 4213/QĐ-UBND ngày 13/12/2022, số 646/QĐ-UBND ngày 13/3/2023, số 1168/QĐ-UBND ngày 15/5/2023, số 1268/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND thành phố.

thẩm quyền phê duyệt); (2) Dự án Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ (53 tỷ đồng, dự án chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt).

- Vốn nước ngoài: 359,635 tỷ đồng, dự kiến bố trí cho dự án Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường) do Hiệp định vay của dự án đã hết hiệu lực (UBND thành phố đã có Công văn số 1933/UBND-XDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị điều chuyển 359,635 tỷ đồng sang Bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương khác).

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 09 tháng và ước thực hiện cả năm 2023

Tổng giá trị giải ngân kế hoạch vốn đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 của thành phố Cần Thơ là 3.002,719 tỷ đồng, đạt 35,18% kế hoạch vốn thực hiện được giao chi tiết, gấp 1,84 lần về giá trị và tăng 12,83% về tỷ lệ so với cùng kỳ năm 2022². Ước thực hiện và giải ngân 09 tháng năm 2023 khoảng 5.089 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 59,62% kế hoạch được HĐND thành phố giao và ước thực hiện và giải ngân năm 2023 là 8.389 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 98,28% kế hoạch. Cụ thể như sau:

a) Các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH:

Tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương phân bổ cho Chương trình là 1.095 tỷ đồng, thành phố đã giao chi tiết 937 tỷ đồng, còn lại 158 tỷ đồng chưa giao chi tiết, giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 37,369 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 3,41% kế hoạch, ước thực hiện và giải ngân 09 tháng năm 2023 là 550 tỷ đồng và ước thực hiện cả năm 940 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 85,85%.

b) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước (nếu có) và thanh toán cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Thành phố đã bố trí 52,742 tỷ đồng thuộc các nguồn vốn ngân sách địa phương để thanh toán khối lượng các dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng từ năm 2022 trở về trước (chủ yếu là thanh toán chi phí còn lại sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành), trong đó thu hồi 235 triệu đồng kế hoạch vốn ứng trước nguồn vốn ngân sách địa phương.

Hiện nay, thành phố còn 12 dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng từ năm 2022 trở về trước đang thực hiện lập thủ tục để trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với tổng số tiền còn lại phải thanh toán khoảng 21,753 tỷ đồng (số vốn này đã được bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ). Sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, sẽ trình HĐND thành phố xem xét, bố trí thanh toán giá trị còn lại sau quyết toán để tắt toán dự án.

c) Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023:

²Giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đến ngày 30/6/2022 của thành phố Cần Thơ là 1.632,043 tỷ đồng, tỷ lệ 22,35%.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, HĐND thành phố đã quyết nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 với tổng số tiền là 9,321 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 145 triệu đồng, ước giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 9,321 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 100%.

d) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư theo quy định của pháp luật:

Năm 2023, thành phố Cần Thơ giao 09 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công năm 2023 từ nguồn thu hợp pháp của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ dành để đầu tư, trong đó đã giao chi tiết 600 triệu đồng vốn chuẩn bị đầu tư để thực hiện lập dự án đầu tư dự án Cải tạo và mở rộng khoa Phẫu thuật gây mê - Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ. Khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt sẽ giao chi tiết 8,5 tỷ đồng vốn thực hiện để triển khai thực hiện dự án theo quy định.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành

Xác định công tác giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023, đặc biệt với sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023, Công điện số 238/CD-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2023. Các cấp ủy đảng, chính quyền thành phố Cần Thơ³ đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện nghiêm theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm đẩy nhanh công tác phân bổ và tăng cường các biện pháp giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Đồng thời kiện toàn Tổ công tác thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển

a) Các khu chế xuất và công nghiệp: Cấp 02 giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tổng vốn đầu tư 4,25 triệu USD, điều chỉnh 09 dự án đăng ký tăng vốn 50,11 triệu USD, chấm dứt 01 dự án với vốn đầu tư đăng ký 0,87 triệu USD. Lũy kế đến cuối tháng 6 năm 2023, có 258 dự án còn hiệu lực⁴, thuê 395,5 ha đất công nghiệp với tổng vốn đầu tư đăng ký 1,870 tỷ USD, vốn đầu tư đã thực hiện 1,121 tỷ USD, chiếm 60% tổng vốn đầu tư đăng ký. Doanh thu các doanh nghiệp đang hoạt động thực hiện 1,104 tỷ USD;

b) Đầu tư trong nước (ngoài khu công nghiệp): Cấp mới 01 giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đầu tư 200,8 tỷ đồng; thu hồi chủ trương đầu tư 01 dự án; điều chỉnh 01 dự án (về diện tích và thời gian thực hiện); lũy kế đến nay có 98 dự án đang triển khai thực hiện với tổng diện tích sử dụng đất khoảng 2.306,5 ha;

³Thông báo số 476-TB/VPTU ngày 30/3/2023 của Văn phòng Thành ủy; Công văn: số 5273/UBND-XDDT ngày 30/12/2022, số 1223/UBND-TH ngày 12/4/2023 của UBND thành phố;

⁴Trong đó có 220 dự án đang hoạt động, 16 dự án đang xây dựng, 05 dự án chưa xây dựng và 17 dự án ngưng hoạt động;

c) Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Cấp mới 02 dự án, vốn đăng ký 154.379 USD; điều chỉnh 03 dự án tăng vốn 44,61 triệu USD (bao gồm: 02 dự án trong khu công nghiệp tăng 44,6 triệu USD, 01 dự án ngoài khu công nghiệp tăng 0,01 triệu USD); chấm dứt hoạt động 01 dự án ngoài khu công nghiệp với vốn đăng ký 01 triệu USD; lũy kế đến cuối tháng 6 năm 2023, có 87 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký 2.267,03 triệu USD⁵, vốn thực hiện 570,69 triệu USD, chiếm 25,17% tổng vốn đăng ký;

5. Kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm 2023

a) Phát triển KTXH của địa phương:

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng 3,71% so cùng kỳ năm 2022⁶. Trong đó, các khu vực đều tăng: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,25%; công nghiệp, xây dựng tăng 1,06%; dịch vụ tăng 5,95%, thuế sản phẩm tăng 0,93%. Về cơ cấu kinh tế 06 tháng đầu năm 2023: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 8,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 31,96%; khu vực dịch vụ chiếm 52,85%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,55%;

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 12.903,93 tỷ đồng, đạt 30% KH, tăng 14,95% so cùng kỳ (Bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước thực hiện 4.013,63 tỷ đồng, đạt 50,97% KH, tăng 48,35%; nguồn vốn ngoài nhà nước 8.361,70 tỷ đồng, đạt 24,79% KH, tăng 7,70%; nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 528,60 tỷ đồng, đạt 37,88% KH, giảm 30,16% so với cùng kỳ 2022.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Theo quy định tại tiết b khoản 7 Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Chương trình), thành phố Cần Thơ không được hỗ trợ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình, nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được bố trí 100% từ ngân sách địa phương;

Đến nay, thành phố có 26/36 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, phần đầu năm 2023 công nhận 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2023-2025; đến nay, có 92 sản phẩm OCOP (gồm 58

⁵ Bao gồm: Trong khu công nghiệp: 29 dự án, tổng vốn đăng ký 608,78 triệu USD; ngoài khu công nghiệp: 58 dự án, tổng vốn đăng ký 1.658,25 triệu USD;

⁶ Theo Báo cáo số 307/BC-CTK ngày 01/6/2023 của Cục Thống kê thành phố báo cáo kết quả biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tính quý II, 6 tháng năm 2023 của thành phố Cần Thơ.

sản phẩm 04 sao và 34 sản phẩm 03 sao), trong đó có 02 sản phẩm có tiềm năng 05 sao. Thực hiện các giải pháp gia tăng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch, nâng số hộ được cấp nước sạch 150.123 hộ, đạt tỷ lệ 90,5% (KH đạt 91%).

c) Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu mục tiêu đã đề ra:

Tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2023, giá trị giải ngân là 3.582,217 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 41,97% kế hoạch được giao. Với mục tiêu giải ngân đạt tỷ lệ trên 95% vốn đầu tư công, thời gian thực hiện trong năm 2023 còn lại khoảng 05 tháng, thành phố phải thực hiện giải ngân trên 4.530 tỷ đồng nên phải rất nỗ lực, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện dự án của chủ đầu tư, các cấp, các ngành có liên quan;

Ngoài ra, một số dự án trọng điểm của thành phố được tập trung bố trí nguồn vốn lớn như: Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị được bố trí 2.095,778 tỷ đồng (chiếm 24,55% tổng kế hoạch vốn); Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 được bố trí 1.837 tỷ đồng (chiếm 21,52% tổng kế hoạch vốn); Dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C) được bố trí 763,609 tỷ đồng (chiếm 8,95% tổng kế hoạch vốn). Do đó, việc tập trung chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân hết kế hoạch vốn được giao sẽ tác động rất lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của toàn thành phố. Từ đó, thành phố Cần Thơ đánh giá việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 giải ngân đạt tỷ lệ trên 95% là khả thi.

6. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023

a) Tồn tại, hạn chế:

* Nguyên nhân khách quan:

- Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ là dự án khởi công mới năm 2023, được bố trí vốn lớn (1.837 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 21,52% tổng vốn đầu tư công toàn thành phố; các đơn vị đang trong giai đoạn kiểm kê, áp giá và trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nên trong những tháng đầu năm 2023 khối lượng giải ngân vốn chưa nhiều;

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gặp khó khăn, người dân vẫn còn khiếu nại về giá và chính sách hỗ trợ tái định cư. Đặc biệt, hiện tượng người dân so sánh giá, chính sách hỗ trợ tái định cư giữa các dự án vốn trong nước và vốn ODA vẫn còn tiếp diễn. Từ đó, dẫn đến khiếu nại không hợp tác, nhiều dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư do tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Các dự án khởi công mới vào cuối năm 2022 được tạm ứng hợp đồng thi công theo quy định, nên những tháng đầu năm 2023, khối lượng hoàn

thành ngoài công trường chỉ được thanh toán một phần, phần còn lại phải thực hiện hoàn tạm ứng theo quy định nên số vốn giải ngân chưa nhiều.

* Nguyên nhân chủ quan chủ yếu, đã ảnh hưởng đến kết quả giải ngân trong thời gian qua chậm được khắc phục, cụ thể:

- Công tác khảo sát, thu thập số liệu để lập chủ trương đầu tư, dự án đầu tư chưa chuẩn xác, đặc biệt là việc khái toán kinh phí hỗ trợ, bồi thường và tái định cư còn quá thấp so với giá thị trường, dẫn đến khi vào triển khai thực hiện thì rất nhiều dự án có kinh phí bồi thường thực tế tăng rất nhiều so với quyết định đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt. Từ đó, phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, mất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến quá trình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn; đồng thời đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc cân đối vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố;

- Tiến độ thực hiện các khu tái định cư còn chậm, chưa thể bàn giao nền cho người dân. Từ đó, ảnh hưởng đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bàn giao mặt bằng một số dự án, nhất là các dự án trọng điểm, các dự án có sử dụng vốn ODA;

- Mặc dù Thường trực Thành ủy, Thường trực UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo các giải pháp cụ thể, tuy nhiên trong từng trường hợp cụ thể, công tác phối hợp giữa chủ đầu tư các các cơ quan, đơn vị vẫn chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy hiệu quả trong giải quyết công việc.

b) Khó khăn, vướng mắc:

Đến nay, thành phố Cần Thơ còn lại 517,635 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương năm 2023 chưa giao chi tiết, cụ thể:

- Vốn trong nước: Còn lại 158 tỷ đồng chưa giao chi tiết, dự kiến bố trí cho: (1) Dự án Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ (105 tỷ đồng, dự án chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt); (2) Dự án Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ (53 tỷ đồng, dự án chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt);

- Vốn nước ngoài: 359,635 tỷ đồng, dự kiến bố trí cho dự án Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường). Tuy nhiên, thời gian hiệu lực của Hiệp định vay vốn của dự án đã hết, thủ tục gia hạn chưa thể hoàn thành và không thể giao chi tiết và giải ngân vốn ODA dự kiến bố trí cho dự án trong năm 2023.

Đối với dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ do AFD tài trợ, kế hoạch vốn ODA năm 2023 được bố trí là 125,794 tỷ đồng, trong đó vốn ODA vay lại là 62,5 tỷ đồng tại Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 và vốn ODA cấp phát từ ngân sách trung ương là 63,294 tỷ đồng tại Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023. Tuy nhiên, thời hạn hạn rút vốn ODA của dự án là ngày

30 tháng 4 năm 2023. Do đó, chủ dự án không thể tiến hành thủ tục xin rót vốn ODA để giải ngân.

7. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2023

a) Nhiệm vụ, giải pháp:

Để kịp thời khắc phục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phần đầu giải ngân đạt tối thiểu 95% kế hoạch vốn đã được bố trí, UBND thành phố yêu cầu Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện được giao nhiệm vụ chủ đầu tư/chủ dự án, quản lý dự án tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

- Giao Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư/chủ dự án, quản lý dự án:

+ Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo các Nghị quyết của Chính phủ và văn bản triển khai của các Bộ, ngành trung ương; quy chế phối hợp, có phân công, phân nhiệm cụ thể giữa các sở, ngành, UBND quận, huyện, chủ đầu tư trong lập, thẩm định, trình phê duyệt, đảm bảo kế hoạch vốn cho triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, không để nợ đọng xây dựng cơ bản;

+ Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 260-CT/BCSD ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Ban cán sự đảng UBND thành phố về tăng cường lãnh đạo nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả công tác giải ngân vốn đầu tư công; chấn chỉnh xử lý các hành vi thiếu trách nhiệm, chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân làm chậm trễ trong công tác giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện ngay luân chuyển cán bộ, công chức khi cần thiết; đánh giá khách quan, xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ giải ngân vào cuối năm 2023;

+ Rà soát, thực hiện phân công nhiệm vụ và yêu cầu trách nhiệm công việc rõ ràng đối với từng cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, hoàn thành giải ngân trên 95% kế hoạch vốn đã bố trí. Giám sát chặt chẽ, hiệu quả quá trình tổ chức thi công; đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhất là những dự án sắp hết thời gian thực hiện, các dự án sử dụng vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn ngân sách trung ương, các dự án trên địa bàn quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Cái Răng;

+ Tập trung thực hiện hoàn thành các dự án khu tái định cư đang triển khai thực hiện. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp Nhà thầu vi phạm các quy định về thi công, hợp đồng. Thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin thành phố, Sở Xây dựng, Sở xây dựng chuyên ngành, UBND quận, huyện đối với các Nhà thầu vi phạm trong quá trình thi công, kéo dài thời gian thực hiện hoàn thành dự án và tùy theo từng trường hợp cụ thể, đề xuất UBND thành phố xử lý vi phạm để răn đe theo thẩm quyền; đồng thời, trong quá trình thực

hiện không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các chủ đầu tư cũng như tiến độ thực hiện của các công trình;

+ Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động của các Nhà thầu tham gia xây dựng công trình theo đúng quy định. Quan tâm kiểm tra việc thực hiện theo đúng thiết kế bản vẽ thi công dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, kiểm tra chất lượng xây dựng công trình, kiên quyết không nghiệm thu công trình khi không đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng. Đối với các dự án đang triển khai thi công, yêu cầu Nhà thầu tập trung nguồn lực và thể hiện bằng những công việc cụ thể như: có nhân lực, máy móc thiết bị và tập kết vật tư (hoặc tối thiểu là hợp đồng cung ứng vật tư) tại hiện trường, có kế hoạch và giải pháp thi công cụ thể đảm bảo thực hiện, có khối lượng giải ngân hết kế hoạch vốn. Trong quá trình thanh toán, đảm bảo việc thu hồi tạm ứng theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

+ Chủ động thực hiện, khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với những dự án khởi công mới. Tập trung hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện ngay từ đầu năm 2023 theo chỉ đạo của Chính phủ;

+ Trong phần vốn được bố trí, ưu tiên thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho dự án (nếu có); thực hiện tốt hướng dẫn của trung ương về mức tạm ứng thực hiện hợp đồng triển khai các công trình; đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch vốn được bố trí, không để xảy ra nợ đọng và các trường hợp phát sinh hạng mục, tăng tổng mức đầu tư không đúng quy định. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu tái định cư để bàn giao nên cho người dân;

+ Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đấu thầu và các Nghị định, văn bản hướng dẫn có liên quan, đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong công tác đấu thầu; thực hiện đúng quy định lộ trình đấu thầu qua mạng;

+ Chủ động rà soát đề xuất điều chuyển nội bộ kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, còn thiếu vốn theo quy định và hạn định. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố tổ chức kỳ họp chuyên đề để xem xét, quyết nghị điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, cũng như tham mưu UBND thành phố ban hành quyết định điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn theo thẩm quyền và đúng quy định.

- Giao Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư các dự án trọng điểm theo Quyết định số 1130-QĐ/TU ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ về kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 45/2022/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 98/NQ-CP của Chính phủ và các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong đó, các dự án được bố trí nguồn vốn lớn trong năm 2023 như: Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị; Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1; Dự án Đường

vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C) cần tập trung thực hiện và chủ động phối hợp với các địa phương có liên quan hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo tiến độ, kịp thời bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu thi công; xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức các nhiệm vụ theo đúng quy định, giải ngân hết kế hoạch vốn đã được bố trí.

- Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Khẩn trương phối hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định, tham mưu UBND thành phố giao hết kế hoạch vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao theo yêu cầu;

+ Chủ động phối hợp với các chủ đầu tư, kịp thời tham mưu UBND thành phố điều chuyển kế hoạch vốn của các công trình, dự án nhằm đảm bảo khả năng thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

b) Kiến nghị:

Qua rà soát tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 được phân bổ, UBND thành phố Cần Thơ đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình cấp thẩm quyền điều chuyển 401,635 tỷ đồng kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 (vốn nước ngoài) sang Bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương khác có nhu cầu. Cụ thể:

- Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị: Đã giao chi tiết 336,070 tỷ đồng, đề nghị cắt giảm 42 tỷ đồng. Nguyên nhân: Dự án gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, công tác di dời các công trình ngầm, nổi (điện chiếu sáng, điện trung và cao thế, viễn thông),... mất nhiều thời gian do thủ tục phức tạp và phải bị động theo kế hoạch thực hiện của các đơn vị quản lý và các vấn đề điều chỉnh, phát sinh bổ sung của các gói thầu mất nhiều thời gian;

- Dự án Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường): Đề nghị cắt giảm 359,635 tỷ đồng dự kiến bố trí năm 2023. Nguyên nhân: Thời gian hiệu lực của Hiệp định vay vốn của dự án đã hết hiệu lực, thủ tục gia hạn chưa thể hoàn thành và không thể giải ngân vốn ODA dự kiến bố trí cho dự án trong năm 2023;

- Đối với 125,794 tỷ đồng vốn ODA năm 2023 của dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ, UBND thành phố Cần Thơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận phương án tài chính kéo dài thời gian rót vốn đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và thời hạn giải trình vốn ngày 31 tháng 3 năm 2024 theo đề xuất tại Công văn số 1928/UBND-XDDT ngày 01 tháng 6 năm 2023, để chủ dự án thực hiện giải ngân theo quy định.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Năm 2024 là năm then chốt, tăng tốc phấn đấu để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội

đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quyết nghị. Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2024 đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quyết nghị và Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024.

- Xác định rõ mục tiêu, khả năng huy động và cân đối nguồn vốn, thứ tự ưu tiên bố trí vốn và khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024; Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, manh mún, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

a) Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và địa phương;

d) Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố;

đ) Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công;

e) Đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công;

g) Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, năm 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024;

h) Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

2. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

a) Nhu cầu vốn đầu tư công năm 2024:

Tổng số: 10.225,530 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương : 2.934,250 tỷ đồng;

+ Vốn trong nước : 2.840,085 tỷ đồng;

+ Vốn nước ngoài : 94,165 tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương : 7.291,280 tỷ đồng;

+ Vốn trong nước : 5.970,748 tỷ đồng;

+ Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 1.320,532 tỷ đồng.

b) Dự kiến khả năng cân đối từng nguồn vốn đầu tư công:

Dự kiến tổng kế hoạch vốn năm 2024 là 9.220,717 tỷ đồng, bằng 90,17% nhu cầu (cao hơn 1.345,532 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao).

- Ngân sách trung ương : 2.934,250 tỷ đồng;

+ Vốn trong nước : 2.840,085 tỷ đồng;

+ Vốn nước ngoài : 94,165 tỷ đồng;

- Vốn trong cân đối ngân sách địa phương : 6.286,467 tỷ đồng;

Gồm:

+ Vốn cân đối NSDP: 1.465,935 tỷ đồng. Trong đó:

. Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 65 tỷ đồng;

. Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân: 2 tỷ đồng;

. Bố trí cho chương trình/dự án đầu tư công: 1.398,935 tỷ đồng.

+ Tiền sử dụng đất: 1.700 tỷ đồng;

+ Xổ số kiến thiết: 1.800 tỷ đồng.

+ Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 1.320,532 tỷ đồng.

c) Dự kiến phân chia mức vốn theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của HĐND thành phố như sau:

Tổng số kế hoạch vốn dự kiến năm 2025 là 9.220,717 tỷ đồng. Cụ thể:

(1) Vốn không phân chia theo tiêu chí định mức là 4.321,782 tỷ đồng, gồm:

- Ngân sách trung ương: 2.934,250 tỷ đồng (trong đó, vốn trong nước là 2.840,085 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 94,165 tỷ đồng).

- Ngân sách địa phương: 1.387,532 tỷ đồng.

+ Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 65 tỷ đồng;

+ Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân: 2 tỷ đồng;

+ Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 1.320,532 tỷ đồng.

(2) Vốn phân chia theo tiêu chí định mức là 4.898,935 tỷ đồng, phân chia như sau:

- Vốn thành phố quản lý (60%): 2.939,361 tỷ đồng;

- Vốn quận, huyện quản lý (40%): 1.959,574 tỷ đồng.

d) Dự kiến phân bổ theo cấp quản lý:

Tổng số kế hoạch vốn dự kiến năm 2024 là 9.220,717 tỷ đồng. Cụ thể:

- Cấp thành phố quản lý: 6.545,387 tỷ đồng.

+ Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 65 tỷ đồng;

+ Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân: 2 tỷ đồng;

+ Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: 5,220 tỷ đồng;

+ Vốn thực hiện dự án: 6.473,167 tỷ đồng.

- Cấp quận, huyện quản lý: 2.675,330 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn theo tiêu chí định mức: 1.959,574 tỷ đồng (việc bố trí theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn quận, huyện do HĐND cấp huyện quyết định theo mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển của địa phương).

+ Vốn thành phố hỗ trợ cho các dự án: 715,756 tỷ đồng.

(Danh mục chi tiết dự kiến phân bổ cho các dự án theo Phụ lục số I, II, III đính kèm)

3. Lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

Theo quy định tại tiết b khoản 7 Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Chương trình), thành phố Cần Thơ không được hỗ trợ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình, nguồn vốn

thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được bố trí 100% từ ngân sách địa phương. Do đó, đề nghị UBND các huyện rà soát, chủ động cân đối từ nguồn vốn được phân bổ theo tiêu chí, định mức, phù hợp với khả năng huy động vốn và kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương trong năm 2024.

4. Lập kế hoạch vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật

Dự kiến trong năm 2024, có 02 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư với số vốn là 27,338 tỷ đồng. Gồm có:

a) Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ: Thực hiện dự án Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1), dự kiến bố trí 7,338 tỷ đồng;

b) Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ: Thực hiện dự án Cải tạo và mở rộng khoa Phẫu thuật gây mê - Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ, dự kiến bố trí 20 tỷ đồng.

Trên đây là dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ, kính báo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP.Cần Thơ;
- Các Ban thuộc HĐND TP;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND quận, huyện;
- VP UBND TP (3D);
- Lưu VT. HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiển

Phụ lục số 1
CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định tư ban đầu			Kế hoạch năm 2023								Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Ghi chú					
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư phát triển trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch được giao		Số vốn kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2023		Giải ngân từ 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023		Thực hiện năm 2023		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Dự kiến năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2024				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trung đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
	Tổng số ***						22.894.358	12.181.602	18.424.164	5.671.512	4.694.378	1.452	1.452	2.252.574	1.908.887	5.716.312	4.781.178	17.800.219	13.943.064	8.226.530	5.970.748	7.221.717	4.965.935				
-	Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất (tin dụng ưu đãi và phi quản lý của các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách)						0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	67.000	67.000	67.000	67.000				
-	Cấp vốn ủy thác cho chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ																			65.000	65.000	65.000	65.000				
-	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân																			2.000	2.000	2.000	2.000				
**	Bổ trợ cho chương trình/dự án						22.894.358	12.181.602	18.424.164	5.671.512	4.694.378	1.452	1.452	2.252.574	1.908.887	5.716.312	4.781.178	17.800.219	13.943.064	8.159.530	5.903.748	7.154.717	4.898.935				
A	THÀNH PHỐ QUẢN LÝ						21.295.621	10.582.865	7.313.588	3.880.571	2.903.437	145	145	1.243.829	900.142	3.824.019	2.888.885	12.751.958	8.774.803	4.547.459	2.291.677	4.479.387	2.223.605				
a	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch						25.532	25.532	24.945	2.000	2.000	0	0	0	0	2.000	2.000	2.909	2.909	5.220	5.220	5.220	5.220				
I	Sứ Giao thông vận tải						4.353	4.353	4.000	1.000	1.000	0	0	0	0	1.000	1.000	1.000	1.000	3.000	3.000	3.000	3.000				
	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km7 Km7), thành phố Cần Thơ			Ninh Kiều - Bình Thủy		2020-2021	1923/UBND-XDDT ngày 02/6/2023 6999/QĐ-SGTVT ngày 07/06/2023	4.353	4.353	4.000	1.000	1.000			1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	3.000	3.000	3.000	3.000				
II	Sở Tài nguyên và Môi trường						234	234	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	220	220	220	220				
I	Đầu tư hệ thống trung thất bị truyền nhân, phần mềm quản lý, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục và xây dựng, quản lý CSDD, quốc gia về nguồn thải và thiết bị giám sát, quản lý khối lượng chất thải rắn			Cần Thơ		2023	1403/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND Tp Cần Thơ	234	234											220	220	220	220				
III	Sở Xây dựng						20.945	20.945	20.945	1.000	1.000	0	0	0	0	1.000	1.000	1.909	1.909	2.000	2.000	2.000	2.000				
I	Điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch chung TPCT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		7901494	TPCT		2021-2023	1167/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	20.945	20.945	20.945	1.000	1.000			1.000	1.000	1.909	1.909	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000				
b	Vấn thực hiện dự án						21.270.888	10.557.333	7.288.643	3.878.571	2.901.437	145	145	1.243.829	900.142	3.822.019	2.886.885	12.749.049	8.771.894	4.542.239	2.286.457	4.474.167	2.218.385				
I	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố						1.906.982	998.742	925.573	320.729	154.665	0	0	113.213	17.140	311.182	145.118	922.531	323.376	612.606	295.521	509.583	272.499				
**	Dự án chuyển tiếp						1.696.654	780.414	716.235	319.629	153.565	0	0	113.200	17.127	310.982	144.018	921.091	321.936	546.606	229.521	523.583	206.498				
I	Đường Thang Lọt 1 (hồ trải - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thanh Lộc đến Sau Đòng)		7604915	Vinh Thanh		2018-2024	2858/QĐ-UBND 30/10/2017, 1427/QĐ-UBND 29/4/2022	62.728	62.728	52.769	1.400	1.400			35	35	1.400	1.400	11.450	11.450	3.000	3.000	3.000	3.000			
2	Cầu Kênh Ngang (trên đường tỉnh 922)		7803971	Cố Đô		2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	137.372	137.372	137.161	9.000	9.000			5.440	5.440	9.000	9.000	40.510	40.510	68.000	68.000	68.000	68.000			
3	Cầu, tuyến đường dẫn vào cầu từ Khu tái định cư Trường Đại học Y được Cần Thơ đến Khu đô thị tái định cư Cù Long		7545459	Ninh Kiều - Bình Thủy		2016-2023	880/QĐ-UBND 31/3/2016 896/QĐ-UBND 7/4/2017 1219/QĐ-UBND 15/5/2017, 2389/QĐ-UBND 27/10/2020, 1330/QĐ-UBND 19/4/2022	25.744	25.744	9.286	500	500			500	500	500	500	16.440	16.440	8.786	8.786	8.786	8.786			
4	Đường vào dự án Trung tâm Sức khỏe sinh sản (đường số 5) thuộc Khu đô thị tại bên đường Nguyễn Văn Cú (đoạn từ đường Cái Sen - Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923)		7613999	Ninh Kiều		2018-2022	2864/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, 2196/QĐ-UBND ngày 13/9/2019, 2636/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.345	20.345	1.985	25	25			24	24	24	24	18.385	18.385	1.960	1.960	1.960	1.960			
5	Đường vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, giai đoạn 1 - Đoạn từ nút giao thông đường Võ Văn Kiệt đến Km1+675		7619462	Bình Thủy		2018-2022	2863/QĐ-UBND 30/10/2017 3183/QĐ-UBND 06/12/2017 3029/QĐ-UBND 01/11/2021	137.185	37.185	11.835	56.835	11.835			3.019	2.289	47.289	2.289	136.835	36.835	9.548	9.548	9.548	9.548	Dự kiến năm 2023 sẽ không giải ngân hết vốn NSDP		
6	Đường tỉnh 918 thành phố Cần Thơ (xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ điểm giao giữa đường Tỉnh 918 với Đường tỉnh 923 đến cầu Lộ Đưa)		7840643	HT-PT		2020-2023	2184/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 2735/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	324.246	116.000	123.883	83.869	52.805			15.343	93.869	52.805	279.946	71.706	67.021	67.021	44.000	44.000				
7	Đường tỉnh 921 - Đoạn vượt sông (điểm đầu giao vào tuyến tránh Thốt Nốt - điểm cuối giao vào đường cao tốc Cần Thơ - Sóc Trăng - Châu Đốc)		7865523	Thốt Nốt - Cờ Đỏ		2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	871.213	263.213	262.487	105.000	25.000			84.170	4.170	105.000	25.000	319.087	28.172	370.000	52.915	370.000	52.915			
8	Khu lưu trữ chuyển đổi thành phố		7184282	Cái Hàng		2020-2023	1424/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	68.638	68.638	67.847	30.000	30.000			3.650	3.650	30.000	30.000	61.242	61.242	6.605	6.605	6.605	6.605			
9	Xây dựng phòng họp và cầu tạo via cầu Trụ sở Thành ủy, Hội trường Thành ủy		7851365	Ninh Kiều		2021-2024	1375/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	49.183	49.183	48.882	23.000	23.000			1.019	1.019	23.000	23.000	37.196	37.196	11.686	11.686	11.686	11.686			
***	Khởi công mới						210.328	210.328	209.338	1.100	1.100	0	0	13	13	1.100	1.100	1.440	1.440	66.000	66.000	66.000	66.000				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm 2023								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Nhu cầu vốn năm 2024		Dự Liên kế hoạch năm 2024		Ghi chú	
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch được giao		Số vốn kèo dài các năm trước chuyển sang năm 2023		Giải ngân từ 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023		Thực hiện năm 2023		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
																	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP							
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	C	7885992	Ninh Kiều		2022-2023	21/QĐ-SXD ngày 25/01/2022 60/QĐ-UBND ngày 14/03/2023	11.012	11.012	10.733	500	500					500	500	840	840	5.000	3.000	5.000	5.000	
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc tại số 01 đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	C	7885992	Ninh Kiều	Công trình đầu dựng cấp III	2022-2024	1568/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	32.293	32.293	32.083	300	300	0	0	0	0	300	300	300	300	26.000	26.000	26.000	26.000	
3	Xây dựng Trụ sở làm việc của Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ	B	7965628	Ninh Kiều	Công trình đầu dựng cấp I	2021-2025		167.022	167.022	166.522	300	300	0	0	13	13	300	300	300	300	35.000	35.000	35.000	35.000	
II	Ban Quản lý dự án ODA							9.167.256	3.378.584	1.519.296	2.095.778	1.759.708	0	0	626.850	495.166	2.053.778	1.759.708	7.054.679	5.253.221	2.024.782	664.085	2.023.697	663.000	
**	Dự án chuyển tiếp							9.167.256	3.378.584	1.519.296	2.095.778	1.759.708	0	0	626.850	495.166	2.053.778	1.759.708	7.054.679	5.253.221	2.024.782	664.085	2.023.697	663.000	
1	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	A	7488650	Ninh Kiều Bình Thủy		2017-2022	164/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 2596/QĐ-UBND ngày 15/08/2016/ 3432/QĐ-UBND ngày 26/12/2018, 2967/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	9.167.256	3.378.584	1.519.296	2.095.778	1.759.708			626.850	495.166	2.053.778	1.759.708	7.054.679	5.253.221	2.024.782	664.085	2.023.697	663.000	Dự kiến vốn NSDP không bao gồm vốn vay lại tại PL3
III	Chỉ cục Thủy lợi thành phố							704.905	295.412	291.733	155.690	30.690	0	0	27.692	17.460	155.690	30.690	463.189	53.696	109.146	109.146	109.146	109.146	
**	Dự án chuyển tiếp							704.905	295.412	291.733	155.690	30.690	0	0	27.692	17.460	155.690	30.690	463.189	53.696	109.146	109.146	109.146	109.146	
1	Kế chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rich đến rạch Cam Mỹ), khu vực Thới Hòa, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ - GIAI ĐOẠN 1 (đoạn từ vàm Ba Rich đến kênh Thủy lợi 1)	B	7888415	Ô Môn		2021-2022	650/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	99.985	19.985	19.000	4.590	4.590			3.261	3.261	4.590	4.590	97.846	17.846	4.410	4.410	4.410	4.410	
2	Kế chống sạt lở khu vực chợ Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	B	7824392	Phong Điền		2020-2023	2051/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	195.581	46.088	45.000	25.100	100			5.676	58	25.100	100	150.593	1.100	43.900	43.900	43.900	43.900	
3	Kế chống sạt lở sông Ô Môn - khu vực Thới An, quận Ô Môn (phần bờ phải) - (đoạn từ Rạch Vàm đến bến đò Tâm Vu)	B	7824590	Ô Môn		2020-2023	2052/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	116.983	36.983	36.000	16.000	16.000			5.572	5.572	16.000	16.000	96.750	16.750	19.250	19.250	19.250	19.250	
4	Hệ thống thủy lợi tạo nguồn Hắc Cù Sắn (Cần Thơ - An Giang)	C	7864618	Vĩnh Thạnh		2022-2024	2600/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	19.909	19.909	19.286	10.000	10.000			8.569	8.569	10.000	10.000	17.700	17.700	1.586	1.586	1.586	1.586	
5	Kế chống sạt lở khẩn cấp sông Trà Nóc, phường Trà An (đoạn cầu Xẻo Mây - cầu Bạch Chiếu), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	B	7964477	Bình Thủy		2022-2025	3978/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	272.447	172.447	172.447	100.000	0			4.614		100.000		100.300	300	40.000	40.000	40.000	40.000	
IV	BCH Quận sự thành phố							59.742	59.742	58.427	20.000	20.000	0	0	15.000	15.000	20.000	20.000	35.290	35.290	35.000	35.000	22.800	22.800	
**	Dự án chuyển tiếp							59.742	59.742	58.427	20.000	20.000	0	0	15.000	15.000	20.000	20.000	35.290	35.290	35.000	35.000	22.800	22.800	
1	Hệ thống Quản dân y (Giai đoạn 2)	C	7004686	Cù Đĩnh		2022-2024	4276/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	48.837	48.837	48.627	15.000	15.000			15.000	15.000	15.000	15.000	30.210	30.210	30.000	30.000	18.000	18.000	Năm 2022 giải ngân 981 triệu đồng, còn lại 14.019 tỷ đồng không giải ngân đã bị hủy dự toán
2	Ban Chi ủy Quận sự huyện Thới Lai (giai đoạn 2)	C	7004686	Thới Lai		2020-2022	242/QĐ-SXD 11/10/2019	10.905	10.905	9.800	5.000	5.000					5.000	5.000	5.080	5.080	5.000	5.000	4.800	4.800	
V	Công an thành phố							81.576	81.576	80.855	31.814	31.814	0	0	13.982	13.982	31.814	31.814	44.514	44.514	29.584	29.584	29.584	29.584	
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							8.492	8.492	8.124	5.500	5.500	0	0	2.360	2.360	5.500	5.500	7.880	7.880	244	244	244	244	
1	Trạm Cảnh sát giao thông thủy Văn Thới An của Công an thành phố Cần Thơ	C	7004692	Ô Môn		2022-2024	248/QĐ-SXD ngày 02/12/2021	8.492	8.492	8.124	5.500	5.500			2.360	2.360	5.500	5.500	7.880	7.880	244	244	244	244	
**	Dự án chuyển tiếp							73.084	73.084	72.731	26.314	26.314	0	0	11.622	11.622	26.314	26.314	36.634	36.634	29.340	29.340	29.340	29.340	
1	Xây dựng, cải tạo các buồng hơi cùng bị can	C	7004692	TP Cần Thơ		2022-2024	52/QĐ-SXD ngày 16/12/2021	11.382	11.382	11.940	6.000	6.000			3.531	3.531	6.000	6.000	8.420	8.420	3.520	3.520	3.520	3.520	
2	Đội Cảnh sát giao thông số 02 thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường bộ của Công an thành phố Cần Thơ	C	7004692	Ô Môn		2022-2024	246/QĐ-SXD ngày 02/12/2021 274/QĐ-SXD ngày 17/10/2022	14.735	14.735	14.164	6.000	6.000			6.000	6.000	6.000	6.000	9.580	9.580	4.584	4.584	4.584	4.584	
3	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Hưng Phú của Công an thành phố Cần Thơ	C	7004692	Cái Răng		2022-2024	247/QĐ-SXD ngày 02/12/2021	11.568	11.568	11.726	6.000	6.000			1.445	1.445	6.000	6.000	9.490	9.490	2.236	2.236	2.236	2.236	
4	Trụ sở làm việc Thủy đội thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường thủy - Công an thành phố Cần Thơ	C	7004686	Thốt Nốt		2022-2024	318/QĐ-SXD ngày 15/11/2022	10.857	10.857	10.738	2.314	2.314			31	31	2.314	2.314	2.764	2.764	5.000	5.000	5.000	5.000	
3	Xây dựng nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn	C	7004692	Ô Môn		2022-2024	3902/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	24.542	24.542	24.163	6.000	6.000			613	613	6.000	6.000	6.380	6.380	14.000	14.000	14.000	14.000	
VI	Ban An toàn giao thông							33.391	33.391	33.011	10.000	10.000	0	0	7.220	7.220	10.000	10.000	19.380	19.380	9.500	9.500	9.500	9.500	
**	Dự án chuyển tiếp							33.391	33.391	33.011	10.000	10.000	0	0	7.220	7.220	10.000	10.000	19.380	19.380	9.500	9.500	9.500	9.500	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư phát triển trong hạn nguồn NSDP giải đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023								Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú	
							TMDT			Kế hoạch được giao		Số vốn kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2023		Giải ngân từ 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023		Ước thực hiện năm 2023		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Nhu cầu vốn năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2024			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	Cải tạo, đầu tư mới hệ thống tin hiệu giao thông tại các nút giao mới An toàn giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn, tuyến quốc lộ và tỉnh lộ	C	7887379	TP. Cần Thơ		2022-2024	83/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	33.391	33.391	33.011	10.000	10.000			7.220	7.220	10.000	10.000	19.380	19.380	9.500	9.500	9.500	9.500	
VII	Ban Dân tộc							3.414	3.414	3.316	3.200	3.200	0	0	1.549	1.549	3.200	3.200	3.300	3.300	115	115	114	114	
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							3.414	3.414	3.316	3.200	3.200	0	0	1.549	1.549	3.200	3.200	3.300	3.300	115	115	114	114	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân tộc	C	7922562	Ninh Kiều		2022-2024	305/QĐ-SXD ngày 07/11/2022	3.414	3.414	3.316	3.200	3.200			1.549	1.549	3.200	3.200	3.300	3.300	115	115	114	114	
VIII	Đài Phát thanh truyền hình thành phố Cần Thơ							146.906	146.906	147.138	50.000	50.000	0	0	7.546	7.546	50.000	50.000	125.300	125.300	21.606	21.606	21.606	21.606	
**	Dự án chuyển tiếp							146.906	146.906	147.138	50.000	50.000	0	0	7.546	7.546	50.000	50.000	125.300	125.300	21.606	21.606	21.606	21.606	
1	Hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật phát thanh và truyền hình theo hướng truyền thông đa phương tiện	B	7856084	Ninh Kiều		2021-2024	1604/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	146.906	146.906	147.138	50.000	50.000			7.546	7.546	50.000	50.000	125.300	125.300	21.606	21.606	21.606	21.606	
IX	Sở Giao thông vận tải							4.651.275	2.651.275	1.904.075	872.109	522.109	0	0	352.564	246.866	872.109	522.109	2.251.515	1.401.515	840.115	440.115	809.002	409.002	
**	Dự án chuyển tiếp							4.338.937	2.338.937	1.892.585	872.109	522.109	0	0	352.564	246.866	872.109	522.109	2.251.077	1.401.077	828.625	428.625	809.002	409.002	
1	Cầu Tây Đò, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	B	7861307	Phong Điền		2021-2024	1125/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	208.045	208.045	207.322	30.000	30.000			8.966	8.966	30.000	30.000	160.723	160.723	46.000	46.000	46.000	46.000	
2	Cầu Cờ Đỏ trên đường tỉnh 919	B	7861308	Cờ Đỏ		2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	165.604	165.604	165.054	30.000	30.000			2.528	2.528	30.000	30.000	107.550	107.550	24.000	24.000	24.000	24.000	
3	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên tuyến Quốc lộ 91B, đoạn từ cầu Bà Bộ đến giao Quốc lộ 91 thuộc địa bàn quận Bình Thủy, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (Km02+592 - Km 13+793)	C	7861306	Bình Thủy - Ô Môn		2022-2023	676/QĐ-UBND ngày 14/02/2022	18.841	18.841	18.550	8.500	8.500			8.242	8.242	8.500	8.500	18.680	18.680	1.300	1.300	1.300	1.300	Năm 2022 giải ngân được 4,2/10 tỷ đồng, còn lại 5,8 tỷ đồng không giải ngân đã bị hủy dự toán
4	Trạm dừng, nhà chờ xe buýt, 501 điểm dừng đón trả khách hiện đại	C	7864623	TP. Cần Thơ		2022-2024	1215/QĐ-UBND ngày 05/04/2022	24.304	24.304	24.690	15.000	15.000			3.131	3.131	15.000	15.000	19.390	19.390	5.690	5.690	5.690	5.690	Năm 2022 bố trí 4 tỷ đồng nhưng không giải ngân và đã bị hủy dự toán
5	Đầu tư trang bị phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác cho lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải	C	7868577	TP. Cần Thơ		2022-2023	03/QĐ-SKHĐT ngày 17/01/2022	14.458	14.458	15.704	10.000	10.000			4.412	4.412	10.000	10.000	13.620	13.620	2.204	2.204	838	838	
6	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C)	A	7863251	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền - Ninh Kiều - Cái Răng		2021-2025	3543/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	3.877.742	1.837.742	1.392.000	763.609	413.609			323.713	218.015	763.609	413.609	1.909.384	1.059.384	732.616	332.616	714.359	314.359	
7	Trung tâm Quản lý giao thông đô thị trực thuộc Sở Giao thông vận tải	C	7864599	Bình Thủy		2022-2023	3242/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	19.995	19.995	19.815	12.000	12.000			1.572	1.572	12.000	12.000	18.180	18.180	1.815	1.815	1.815	1.815	
8	Đầu tư hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ giai đoạn I (Triển khai các hạng mục như Tu tin hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát (CCTV), Hệ thống đo xe (VDS) và Trung tâm điều khiển)	C	7868637	TP. Cần Thơ		2023-2025	1336/QĐ-UBND ngày 06/06/2023	49.948	49.948	49.450	3.000	3.000					3.000	3.000	3.550	3.550	15.000	15.000	15.000	15.000	
***	Khởi công mới							312.338	312.338	11.490	0	0	0	0	0	0	0	0	438	438	11.490	11.490	0	0	
1	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Xuyên - đường Vành đai phía Tây thành phố)	B	7861310	Bình Thủy		2022-2025		312.338	312.338	11.490	0	0	0	0	0	0	0	0	438	438	11.490	11.490	0	0	
X	Sở Khoa học và Công nghệ							40.336	40.336	40.132	11.800	11.800	0	0	2.112	2.112	11.800	11.800	19.860	19.860	18.232	18.232	18.232	18.232	
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							10.360	10.360	10.360	3.800	3.800	0	0	2.112	2.112	3.800	3.800	10.130	10.130	232	232	232	232	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ	C	7884143	Ninh Kiều		2022-2024	302/QĐ-SXD ngày 31/12/2021, 348/QĐ-SXD ngày 15/12/2022	4.961	4.961	4.789	2.200	2.200			816	816	2.200	2.200	4.910	4.910	52	52	52	52	
2	Bảo trì trụ sở và nâng cấp thiết bị Trung tâm KỸ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ	C	7884145	Ninh Kiều		2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	5.399	5.399	5.597	1.600	1.600			1.296	1.296	1.600	1.600	5.220	5.220	180	180	180	180	
**	Dự án chuyển tiếp							29.976	29.976	29.746	8.000	8.000	0	0	0	0	8.000	8.000	9.730	9.730	18.000	18.000	18.000	18.000	
1	Sân giao dịch công nghệ	C	7884144	Phong Điền		2022-2024	770/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	29.976	29.976	29.746	8.000	8.000			0	0	8.000	8.000	9.730	9.730	18.000	18.000	18.000	18.000	
XI	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội							72.930	27.930	23.776	8.541	8.541	0	0	4.015	4.015	8.541	8.541	65.299	20.299	4.698	4.698	4.595	4.595	
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							54.926	9.926	5.929	1.541	1.541	0	0	1.400	1.400	1.541	1.541	52.119	7.119	718	718	705	705	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023								Lũy kế vốn đã bỏ (tính đến hết năm 2023)		Nhu cầu vốn năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Ghi chú		
							TMDT			Kế hoạch được giao		Số vốn kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2023		Giải ngân từ 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023		Thực hiện năm 2023		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
1	Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	C	7855022	Ninh Kiều		2022-2023	170/QĐ-SXD ngày 31/8/2021	7.356	7.356	7.007	650	650			645	645	645	645	6.640	6.640	37	37	37	37		
*	Dự án chuyển tiếp							479.347	479.347	456.000	60.000	60.000	0	0	38.399	38.399	60.000	60.000	363.700	363.700	66.500	66.500	66.500	66.500		
1	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh	B	7855023	Vĩnh Thạnh		2021-2024	3076/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.697	119.697	114.000	15.000	15.000			3.893	3.893	15.000	15.000	90.925	90.925	12.000	12.000	12.000	12.000		
2	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	B	7855024	Phong Điền		2021-2024	3075/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.801	119.801	114.000	15.000	15.000			4.572	4.572	15.000	15.000	90.925	90.925	18.500	18.500	18.500	18.500		
3	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai	B	7855025	Thới Lai		2021-2024	3078/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.881	119.881	114.000	15.000	15.000			14.995	14.995	15.000	15.000	90.925	90.925	17.000	17.000	17.000	17.000		
4	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	B	7855026	Cờ Đỏ		2021-2024	3077/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.968	119.968	114.000	15.000	15.000			14.939	14.939	15.000	15.000	90.925	90.925	19.000	19.000	19.000	19.000		
XVIII	Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố							559.738	559.738	473.341	52.730	52.730	0	0	3.998	3.998	52.730	52.730	343.643	343.643	208.694	208.694	208.694	208.694		
**	Dự án chuyển tiếp							559.738	559.738	473.341	52.730	52.730	0	0	3.998	3.998	52.730	52.730	343.643	343.643	208.694	208.694	208.694	208.694		
1	Khu tái định cư phường Long Hòa (Khu 2)	B	7800500	Bình Thủy		2021-2023	795/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	426.851	426.851	426.374	52.730	52.730			3.998	3.998	52.730	52.730	219.715	219.715	205.105	205.105	205.105	205.105		
2	Bàn thường, hỗ trợ và tài chính cơ sở Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	B	7712035	Quận Bình Thủy		2018-2024	2269/QĐ-UBND ngày 31/08/2018; 3952/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; 1459/QĐ-UBND ngày 21/06/2023	132.887	132.887	46.967	0	0	0	0	0	0	0	0	123.928	123.928	3.589	3.589	3.589	3.589		
XIX	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ							14.986	14.986	14.396	7.000	7.000	0	0	3.151	3.151	7.000	7.000	14.600	14.600	366	366	366	366		
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							14.986	14.986	14.396	7.000	7.000	0	0	3.151	3.151	7.000	7.000	14.600	14.600	366	366	366	366		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ	C	7903244	Ninh Kiều		2022-2024	36/QĐ-SXD ngày 23/02/2022	14.986	14.986	14.396	7.000	7.000			3.151	3.151	7.000	7.000	14.600	14.600	366	366	366	366		
XX	Trường CĐ Nghệ Cần Thơ							292.000	292.000	291.600	25.000	25.000	0	0	5.991	5.991	25.000	25.000	80.400	80.400	80.000	80.000	80.000	80.000		
**	Dự án chuyển tiếp							292.000	292.000	291.600	25.000	25.000	0	0	5.991	5.991	25.000	25.000	80.400	80.400	80.000	80.000	80.000	80.000		
1	Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ trở thành trường dạy nghề chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg	B	7847079	Bình Thủy		2022-2024	1956/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	292.000	292.000	291.600	25.000	25.000			5.991	5.991	25.000	25.000	80.400	80.400	80.000	80.000	80.000	80.000		
XXI	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ							43.957	43.957	43.719	20.000	20.000	0	0	179	179	20.000	20.000	21.280	21.280	19.000	19.000	19.000	19.000		
**	Dự án chuyển tiếp							43.957	43.957	43.719	20.000	20.000	0	0	179	179	20.000	20.000	21.280	21.280	19.000	19.000	19.000	19.000		
1	Khu giảng đường dây D.E	C	7865212	Ninh Kiều		2022-2024	3796/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	43.957	43.957	43.719	20.000	20.000			179	179	20.000	20.000	21.280	21.280	19.000	19.000	19.000	19.000		
XXII	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ							9.132	9.132	9.056	7.430	7.430	0	0	2.178	2.178	7.430	7.430	7.790	7.790	582	582	582	582		
***	Khởi công mới							9.132	9.132	9.056	7.430	7.430	0	0	2.178	2.178	7.430	7.430	7.790	7.790	582	582	582	582		
1	Cải tạo khối nhà học Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	C	7920633	Ninh Kiều		2022-2024	272/QĐ-SXD ngày 14/10/2022	9.132	9.132	9.056	7.430	7.430			2.178	2.178	7.430	7.430	7.790	7.790	582	582	582	582		
XXIII	Cầu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ							3.045	3.045	3.041	2.500	2.500	145	145	0	0	2.500	2.500	2.645	2.645	400	400	395	395		
***	Dự án khởi công mới							3.045	3.045	3.041	2.500	2.500	145	145	0	0	2.500	2.500	2.645	2.645	400	400	395	395		
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Cầu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ	C	7966734	Ninh Kiều		2021-2026	99/QĐ-SXD ngày 11/4/2023	3.045	3.045	3.041	2.500	2.500	145	145	0	0	2.500	2.500	2.645	2.645	400	400	395	395		
B	QUẢN, HUYỀN QUẢN LÝ							1.598.737	1.598.737	11.110.576	1.790.941	1.790.941	1.307	1.307	1.008.745	1.008.745	1.892.293	1.892.293	5.048.261	5.168.261	3.612.071	3.612.071	2.675.330	2.675.330		
I	UBND quận Ninh Kiều							0	0	2.408.205	222.613	222.613	130	130	137.315	137.315	222.613	222.613	644.392	764.392	474.000	474.000	397.989	397.989		
***	Vốn theo tiêu chí định mức							0	0	1.215.000	221.613	221.613	130	130	136.315	136.315	221.613	221.613	644.392	644.392	354.000	354.000	282.331	282.331		
***	Dự án khởi công mới							0	0	1.193.205	1.000	1.000	0	0	1.000	1.000	1.000	1.000	0	120.000	120.000	120.000	120.000	115.658	115.658	
1	Cải tạo, mở rộng 05 nút giao trong đêm trên địa bàn thành phố Cần Thơ	B	7964475	Ninh Kiều		2024-2025		1.193.205	1.000	1.000	0	0	0	0	1.000	1.000	1.000	1.000	120.000	120.000	120.000	120.000	115.658	115.658		
II	UBND quận Bình Thủy							812.000	812.000	148.135	148.135	0	0	87.796	87.796	148.135	148.135	430.723	430.723	228.875	228.875	203.722	203.722			
***	Vốn theo tiêu chí định mức							812.000	812.000	148.135	148.135	0	0	87.796	87.796	148.135	148.135	430.723	430.723	228.875	228.875	203.722	203.722			
III	UBND quận Cái Răng							0	0	754.000	137.560	137.560	0	0	66.904	66.904	137.560	137.560	399.979	399.979	165.700	165.700	175.249	175.249		
***	Vốn theo tiêu chí định mức							0	0	754.000	137.560	137.560	0	0	66.904	66.904	137.560	137.560	399.979	399.979	165.700	165.700	175.249	175.249		
IV	UBND quận Ô Môn							0	0	897.000	163.632	163.632	1.177	1.177	92.168	92.168	163.632	163.632	475.776	475.776	250.390	250.390	208.463	208.463		
***	Vốn theo tiêu chí định mức							0	0	897.000	163.632	163.632	1.177	1.177	92.168	92.168	163.632	163.632	475.776	475.776	250.390	250.390	208.463	208.463		
V	UBND quận Thới Nốt							349.643	349.643	1.297.748	116.883	116.883	0	0	159.104	159.104	289.699	289.699	689.381	689.381	392.900	392.900	380.164	380.164		
***	Vốn theo tiêu chí định mức							349.643	349.643	948.000	116.883	116.883	0	0	79.104	79.104	172.816	172.816	502.498	502.498	232.900	232.900	220.164	220.164		
**	Dự án chuyển tiếp							0	0	349.748	116.883	116.883	0	0	80.000	80.000	116.883	116.883	186.883	186.883	160.000	160.000	160.000	160.000		
1	Khu tái định cư phường Thới Thuận (Giai đoạn 2)	B	7913948	Thới Nốt		2022-2025	1282/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND quận Thới Nốt	349.643	349.643	349.748	116.883	116.883			80.000	80.000	116.883	116.883	186.883	186.883	160.000	160.000	160.000	160.000		
VI	UBND huyện Cờ Đỏ							0	0	955.000	174.252	174.252	0	0	131.234	131.234	174.252	174.252	506.676	506.676	377.475	377.475	221.994	221.994		
***	Vốn theo tiêu chí định mức							0	0	955.000	174.252	174.252	0	0	131.234	131.234	174.252	174.252	506.676	506.676	377.475	377.475	221.994	221.994		
VII	UBND huyện Phong Điền							120.483	120.483	833.066	153.532	153.532	0	0	72.054	72.054	153.532	153.532	484.924	484.924	185.926	185.926	174.461	174.461		
***	Vốn theo tiêu																									

TT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năm dự kiến thi công	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023								Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Nhu cầu vốn năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Kế hoạch được giao		Số vốn kều dài các năm trước chuyển sang năm 2023		Giải ngân từ 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023		Ước thực hiện năm 2023		Tổng số	Trung dư: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dư: NSDP											
Vấn theo tiêu chí định mức									974.000	177.620	177.620					72.264	72.264	177.620	177.620	516.469	516.469	516.469	516.469	226.285	226.285		
** Dự án chuyển tiếp								1.128.611	1.128.611	1.098.557	299.500	299.500	0	0	85.769	85.769	299.500	299.500	326.500	326.500	440.585	440.585	435.756	435.756			
1 Đường Nam kênh Đôn Đông (đoạn từ kênh F - kênh H)	C	7568242	Vĩnh Thanh		2019-2021	2857/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	57.682	57.682	35.400	15.000	15.000			12.227	12.227	15.000	15.000	39.200	39.200	8.229	8.229	3.400	3.400				
2 Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thanh	B	7965630	Vĩnh Thanh		2023-2026	382/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	384.614	384.614	381.548	122.100	122.100			28.036	28.036	122.100	122.100	123.100	123.100	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000		
3 Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thanh	B	7965631	Vĩnh Thanh		2023-2025	4070-QĐ-UBND ngày 18/11/2022	172.413	172.413	171.009	60.000	60.000			45.506	45.506	60.000	60.000	60.800	60.800	76.356	76.356	76.356	76.356	76.356	76.356		
4 Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thanh (giai đoạn 1)	Đ	7965629	Vĩnh Thanh		2023-2026	2479-QĐ-UBND ngày 03/7/2023	513.902	513.902	510.600	102.400	102.400					102.400	102.400	103.400	103.400	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000		



Phụ lục số II
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSDP (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số 173 KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã		Kế hoạch năm trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW	NSTW đã giao chi tiết hàng năm			Năm 2023						Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024			Ghi chú					
			TMDT			TỔNG SỐ	Trong đó			Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện		Giai ngân từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		Ước thực hiện năm 2023		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023			Dự kiến kế hoạch năm 2024				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		
																							Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ NDCB
TỔNG SỐ			17.175.239	13.344.844	5.441.747	3.016.661	80.000	1.340.025	1.596.636	3.099.131	1.596.636	-	-	1.086.474	398.761	3.069.131	1.566.636	5.228.673	3.031.661	3.290.759	2.840.085	-	-		
I	Lĩnh vực giao thông		16.706.583	12.982.734	5.094.637	2.882.551	-	1.315.915	1.566.636	3.067.931	1.566.636	-	-	1.085.288	397.929	3.067.931	1.566.636	5.077.363	2.882.551	2.994.359	2.627.085	-	-		
	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024		16.706.583	12.982.734	5.094.637	2.882.551	-	1.315.915	1.566.636	3.067.931	1.566.636	-	-	1.085.288	397.929	3.067.931	1.566.636	5.077.363	2.882.551	2.994.359	2.627.085	-	-		
1	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917	3611/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	996.210	561.000	561.000	270.000		200.000	70.000	122.686	70.000			83.805	70.000	122.686	70.000	323.586	270.000	135.000	135.000				
2	Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2)	3664/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	700.125	562.974	562.974	279.636		200.000	79.636	89.636	79.636			39.580	39.580	89.636	79.636	290.586	279.636	235.000	235.000				
3	Đường tỉnh 921: Đoạn tuyến thẳng (điểm đầu giao với tuyến tránh Thốt Nốt - điểm cuối giao với đường cao tốc Cần Thơ - Sóc Trăng - Châu Đốc)	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	871.213	608.000	608.000	290.915		210.915	80.000	105.000	80.000			84.170	80.000	105.000	80.000	318.287	290.915	370.000	317.085				
4	Xây dựng và nâng cấp mở rộng đường tỉnh 923	1466/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	576.195	525.663	525.663	305.000		155.000	150.000	150.000	150.000			69.896	69.896	150.000	150.000	356.964	305.000	40.000	40.000				
5	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C)	3543/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	3.837.742	2.000.000	2.000.000	900.000		550.000	350.000	763.609	350.000			323.713	105.698	763.609	350.000	1.950.940	900.000	714.359	400.000				
6	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn TPCT	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9.725.097	8.725.097	837.000	837.000			837.000	1.837.000	837.000			484.124	32.755	1.837.000	837.000	1.837.000	837.000	1.500.000	1.500.000				
II	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		223.056	204.110	189.110	134.110	80.000	24.110	30.000	30.000	30.000	-	-	832	832	-	-	150.110	149.110	55.000	55.000	-	-		
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		223.056	204.110	189.110	134.110	80.000	24.110	30.000	30.000	30.000	-	-	832	832	-	-	150.110	149.110	55.000	55.000	-	-		
1	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ cầu Ô Môn đến vàm Bà Riêh), phường Thới Hòa, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu), quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	2050/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	223.056	204.110	189.110	134.110	80000	24.110	30.000	30.000	30.000			832	832			150.110	149.110	55.000	55.000				
III	Lĩnh vực Y tế, dân số		245.600	158.000	158.000	-	-	-	-	1.200	-	-	-	354	-	1.200	-	1.200	-	241.400	158.000	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2024		245.600	158.000	158.000	-	-	-	-	1.200	-	-	-	354	-	1.200	-	1.200	-	241.400	158.000	-	-		
1	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ		110.000	105.000	105.000	-				500				70		500		500		108.000	105.000				
2	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ		135.600	53.000	53.000	-				700				284		700		700		133.400	53.000				

